TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 01 - 2024
Về việc Ly hôn, con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Phạm Công Hạ

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phùng Thế Thành -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 365/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị K; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã G, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 10, xã M, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (Có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Thanh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã G, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 10, xã M, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Thanh T kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, thành phố Hải Phòng vào ngày 26/02/2013. Sau khi

kết hôn vợ chồng về ăn ở tại thôn 10, xã M, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng từ đó cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hoà hợp, hai vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống thường phát sinh mâu thuẫn, cãi mắng nhau cho dù cả hai bên đã cố gắng nhưng ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn, anh T thường xuyên thông báo các khoản nợ mà chị không biết mặc dù chị đã cố gắng cùng anh T trả các khoản nợ nhưng anh T vẫn không có lời giải thích cặn kẽ cho chị biết nên cuộc sống chung vợ chồng lạnh nhạt vợ chồng tuy sống chung cùng một nhà nhưng đã ly thân không ở cùng nhau từ năm 2022 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ với nhau được nữa, nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Thanh T.

Về con chung: Chị và anh Đỗ Thanh T có 02 con chung tên Đỗ Thanh L, sinh ngày 23/8/2013 và Đỗ Thanh K, sinh ngày 13/9/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay hai con chung do chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn nguyện vọng của chị K là nuôi con chung tên Đỗ Thanh K, anh T nuôi con chung tên Đỗ Thanh L.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Để chị và anh T tự thoả thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Đỗ Thanh T tự thoả thuận với nhau không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Thanh T vắng mặt tại phiên toà, song trong quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Thanh T có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của chị K về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống được 05 năm tại thôn 6, xã G, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng thì chuyển về sinh sống tại thôn 20, xã M từ đó đến nay. Cuộc sống không có gì mâu thuẫn lớn quá chỉ vài quan điểm không hiểu nhau khiến chị K buồn chán mới nghĩ tới ly hôn. Nay vì tâm lý chung tình cảm anh vẫn dành cho chị K, anh T mong chị K suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình nuôi con khôn lớn nên người. Anh T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Thanh L, sinh ngày 23/8/2013 và Đỗ Thanh K, sinh ngày 13/9/2020. Anh T không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến về con chung. Nhưng nếu chị K quyết tâm ly hôn anh T đề nghị được nuôi cả hai con chung .

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Để anh và chị K tự thoả thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Để anh và chị K tự thoả thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Toà án giải quyết.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tống đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị K và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn anh Đỗ Thanh T. Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Thanh K, sinh ngày 13/9/2020, cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao con chung tên Đỗ Thanh L, sinh ngày 23/8/2013 cho anh Đỗ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Để hai bên tự thoả thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung: Chị K và anh T thống nhất trình bày không yêu cầu Toà án giải quyết, nên kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân

Xét, chị Nguyễn Thị K và anh Đỗ Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã G, thành phố Hải Phòng vào ngày 26/02/2013 tại Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2013, quyển số 01/2013 là hôn nhân hợp pháp. Lời khai của chị K và anh T cùng các tài liệu, chứng cứ thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chị K và anh T sinh sống tại thôn 6, xã G, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng được khoảng 05 năm thì hai vợ chồng chuyển đến sinh sống tại thôn 10, xã M, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống do vợ chồng cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng nhất trong thời gian hai năm trở lại đây. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, trong cuộc sống chung thiếu sự chia sẻ, quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không có sự gắn kết mặc dù vợ chồng sống cùng nhà nhưng đã ly thân thời gian dài. Nay để giải phóng cho nhau chị K đề nghị Toà giải quyết cho chị được ly hôn anh T, bị đơn anh T không đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh mong muốn chị K suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con. Hội đồng xét xử, nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh T đã tồn tài và kéo dài nhiều năm nay mặc dù không có gì lớn tuy nhiên trong cuộc sống chung cả hai bên không có sự thấu hiểu, chia sẻ cùng nhau những khó khăn trong cuộc sống gia đình nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên việc chị Nguyễn Thị K xin ly hôn anh Đỗ Thanh T là có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung

Chị Nguyễn Thị K và anh Đỗ Thanh T có 02 con chung tên Đỗ Thanh L, sinh ngày 23/8/2013 và Đỗ Thanh K, sinh ngày 13/9/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay hai con chung do chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn nguyện vọng của chị K là nuôi con chung tên Đỗ Thanh K, anh T nuôi con chung tên Đỗ Thanh L. Bị đơn anh T không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm về con chung nhưng nếu chị K quyết tâm ly hôn nguyện vọng của anh T là được nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử, xét: Điều kiện nuôi con chung của chị K và anh T là như nhau tuy nhiên việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng, chăm sóc cần xem xét đến mọi mặt để đảm bảo điều kiện sống trong môi trường tốt nhất cho các con chưa thành niên. Mặt khác con trên 7 tuổi cháu Đỗ Thanh L có nguyện vọng được sống cùng bố là anh T, con nhỏ mới trên 3 tuổi cần có sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy cần chấp nhận nguyện vọng của chị K giao con chung tên Đỗ Thanh K cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giao con chung tên Đỗ Thanh L cho anh T nuôi dưỡng chăm sóc, cho đến khi từng con chung trưởng thàng đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thoả thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung

Chị Nguyễn Thị K và anh Đỗ Thanh T thống nhất trình bày vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn anh Đỗ Thanh T.

Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Thanh K, sinh ngày 13/9/2020, cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao con chung tên Đỗ Thanh L, sinh ngày 23/8/2013 cho anh Đỗ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị Dung và anh Khánh tự thoả thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Đỗ Thanh T thống nhất trình bày không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008958, ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại Chi cục thi

hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị K đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hoặc bản án đượ niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã G, thành phố Hải Phòng;
- UBND xã M, huyện Thuỷ Nguyên;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lương **Doãn Văn Sáng** **Đinh Thị Mến**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Đông Sơn, h. Thủy Nguyên;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã M, huyện Thủy Nguyên,thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự